

UBND XÃ THÁI THỤY
BAN CHẤM BÀI KHẢO SÁT

THÔNG BÁO KẾT QUẢ BÀI KHẢO SÁT NĂNG LỰC HỌC SINH LỚP 6
NĂM HỌC 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
1	01	Lê Hải An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.25	
2	02	Phạm Bảo Hoài An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	10.25	
3	03	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	THCS Thụy Liên	6	Ngữ văn	8.00	
4	04	Nguyễn Bảo Anh	TH&THCS Thụy Lương	6	Ngữ văn	10.00	
5	05	Ngô Diệu Anh	THCS Diêm Điền	6	Ngữ văn	16.00	
6	06	Vũ Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	8.75	
7	07	Nguyễn Quỳnh Anh	THCS Thụy Liên	6	Ngữ văn	8.75	
8	08	Phạm Thị Trâm Anh	THCS Diêm Điền	6	Ngữ văn	14.00	
9	09	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Diêm Điền	6	Ngữ văn	13.50	
10	10	Đoàn Minh Châu	TH&THCS Thụy Bình	6	Ngữ văn	7.25	
11	11	Phạm Quỳnh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.25	
12	12	Nguyễn Ngọc Diệp	TH&THCS Thụy Lương	6	Ngữ văn	7.50	
13	13	Bùi Linh Đan	THCS Thụy Liên	6	Ngữ văn	6.00	
14	14	Nguyễn Thu Giang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	8.50	
15	15	Vũ Thị Trà Giang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.75	
16	16	Đào Thu Hà	TH&THCS Thụy Hà	6	Ngữ văn	11.00	
17	17	Bùi Ngọc Hân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.75	
18	18	Lê Gia Hân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.50	
19	19	Phạm Gia Hân	TH&THCS Thụy Lương	6	Ngữ văn	9.50	
20	20	Vũ Việt Hùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	9.00	
21	21	Hoàng Gia Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	8.50	
22	22	Nguyễn Ngọc Ngân Khánh	TH&THCS Thụy Lương	6	Ngữ văn	8.50	
23	23	Nguyễn Ngọc Lan	TH&THCS Thụy Lương	6	Ngữ văn	7.25	
24	24	Vũ Khánh Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	15.50	
25	25	Phạm Khánh Linh	TH&THCS Thụy Bình	6	Ngữ văn	7.50	
26	26	Nguyễn Phương Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	10.00	
27	27	Đinh Tài Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.25	
28	28	Phạm Trúc Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	10.00	
29	29	Vũ Quang Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	6.50	
30	30	Nguyễn Hà My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	13.25	
31	31	Phạm Ngọc My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	7.25	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
32	32	Nguyễn Thị Ngân	TH&THCS Thụy Lương	6	Ngữ văn	8.50	
33	33	Đỗ Hoàng Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	10.50	
34	34	Nguyễn Lý Bảo Ngọc	TH&THCS Thụy Trình	6	Ngữ văn	12.75	
35	35	Tạ Khánh Ngọc	TH&THCS Thụy Trình	6	Ngữ văn	12.25	
36	36	Lê Thảo Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	13.50	
37	37	Nguyễn Thảo Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.50	
38	38	Lê Tuệ Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	15.00	
39	39	Nguyễn Thanh Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	7.50	
40	40	Lê Tâm Thiên Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	12.25	
41	41	Bùi Minh Phương	THCS Thụy Liên	6	Ngữ văn	8.00	
42	42	Phan Thị Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	14.50	
43	43	Vũ Trường Sơn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	8.50	
44	44	Phạm Như Yến Thanh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	12.25	
45	45	Nguyễn Như Thảo	THCS Thụy Liên	6	Ngữ văn	8.00	
46	46	Phan Thị Hương Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.50	
47	47	Phạm Phương Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	15.25	
48	48	Tô Phương Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	12.25	
49	49	Lê Tâm Thiên Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	11.75	
50	50	Vũ Thanh Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	12.00	
51	51	Đỗ Việt Thành	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	13.00	
52	52	Nguyễn Minh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	12.25	
53	53	Bùi Nhật Tiến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Ngữ văn	6.00	
54	54	Vũ Thảo Vy	TH&THCS Thụy Bình	6	Ngữ văn	9.00	
55	55	Phí Bảo An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	10.50	
56	56	Nguyễn Vũ Đức Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.75	
57	57	Lê Ngọc Diệu Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.25	
58	58	Nguyễn Diệu Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
59	59	Bùi Phạm Hồng Anh	THCS Diêm Điền	6	Toán	13.50	
60	60	Tô Hoàng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
61	61	Trần Hồng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.00	
62	62	Nguyễn Kim Anh	TH&THCS Thụy Lương	6	Toán	15.50	
63	63	Đào Thị Minh Anh	THCS Diêm Điền	6	Toán	13.25	
64	64	Bùi Hoàng Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.75	
65	65	Phạm Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.50	
66	66	Nguyễn Ngọc Anh	THCS Thụy Liên	6	Toán	5.00	
67	67	Nguyễn Ngọc Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.50	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
68	68	Nguyễn Thế Nhật Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.25	
69	69	Lê Công Nhật Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	5.25	
70	70	Nguyễn Hà Phương Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.00	
71	71	Đào Quỳnh Anh	THCS Thụy Liên	6	Toán	8.00	
72	72	Nguyễn Quốc Anh	THCS Diêm Điền	6	Toán	9.25	
73	73	Đoàn Thế Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.00	
74	74	Đoàn Minh An	THCS Thụy Liên	6	Toán	16.75	
75	75	Phạm Hữu Bách	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
76	76	Bùi Đức Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	8.75	
77	77	Lê Hoàng Gia Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.50	
78	78	Lê Ngọc Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
79	79	Nguyễn Thị Ngọc Bích	THCS Diêm Điền	6	Toán	13.00	
80	80	Lê Vũ Minh Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
81	81	Phạm Minh Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.00	
82	82	Trần Bảo Châu	TH&THCS Thụy Lương	6	Toán	14.75	
83	83	Nguyễn Công Chiến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.50	
84	84	Phạm Khánh Chi	TH&THCS Thụy Bình	6	Toán	19.50	
85	85	Nguyễn Lan Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.50	
86	86	Nguyễn Linh Chi	TH&THCS Thụy Bình	6	Toán	11.25	
87	87	Phạm Mai Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
88	88	Tô Vũ Quỳnh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.75	
89	89	Ninh Thị Thùy Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.50	
90	90	Phạm Thành Chung	THCS Diêm Điền	6	Toán	18.25	
91	91	Nguyễn Trí Cường	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.75	
92	92	Bùi Trọng Dũng	THCS Thụy Liên	6	Toán	7.00	
93	93	Phạm Thế Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.75	
94	94	Nguyễn Vũ Đăng Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	10.75	
95	95	Lương Quang Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	8.00	
96	96	Khúc Ngọc Tuấn Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.50	
97	97	Bùi Minh Duy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	14.25	
98	98	Phùng Xuân Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	11.25	
99	99	Phạm Linh Đan	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.25	
100	100	Hà Minh Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
101	101	Trịnh Quang Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.25	
102	102	Đào Trọng Hải Đăng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
103	103	Nguyễn Hải Đăng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.25	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
104	104	Nguyễn Anh Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.50	
105	105	Đoàn Minh Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.25	
106	106	Đỗ Minh Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.50	
107	107	Nguyễn Công Minh Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.50	
108	108	Giang Thiên Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	13.25	
109	109	Nguyễn Văn Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.00	
110	110	Phạm Hoàng Giáp	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.00	
111	111	Lại Nhật Hạ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
112	112	Phạm Đức Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
113	113	Nguyễn Minh Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	11.75	
114	114	Phạm Ngọc Hân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
115	115	Nguyễn Quang Hiếu	THCS Diêm Điền	6	Toán	17.50	
116	116	Đặng Bảo Hòa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	13.00	
117	117	Bùi Đức Hoàng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	10.75	
118	118	Lê Hữu Minh Hoàng	TH&THCS Thụy Lương	6	Toán	15.75	
119	119	Nguyễn Hữu Hùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	11.75	
120	120	Đỗ Gia Huy	THCS Diêm Điền	6	Toán	15.75	
121	121	Lê Ngọc Gia Huy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	14.00	
122	122	Nguyễn Gia Huy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	14.50	
123	123	Lê Gia Huy	TH&THCS Thụy Lương	6	Toán	9.25	
124	124	Đỗ Quốc Huy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	13.25	
125	125	Tạ Duy Quang Huy	TH&THCS Thụy Hải	6	Toán	17.50	
126	126	Bùi Gia Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
127	127	Nguyễn Hữu Gia Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	9.25	
128	128	Nguyễn Ngọc Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.25	
129	129	Lê Phúc Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.25	
130	130	Vũ Phúc Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.25	
131	131	Lâm Thiên Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.25	
132	132	Đào Minh Khang	TH&THCS Thụy Hà	6	Toán	14.00	
133	133	Phạm Minh Khang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.50	
134	134	Phạm Công Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.25	
135	135	Vũ Thị Ngân Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
136	136	Vũ Tiên Đăng Khoa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.25	
137	137	Trần Minh Khôi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
138	138	Vũ Đức Anh Kiệt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.00	
139	139	Nguyễn Tuấn Kiệt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
140	140	Nguyễn Trần Bảo Lam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.00	
141	141	Lê Minh Lâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	9.50	
142	142	Bùi Phúc Lâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
143	143	Nguyễn Phúc Lâm	TH&THCS Thụy Hải	6	Toán	17.25	
144	144	Đỗ Thanh Liêm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.25	
145	145	Nguyễn Bảo Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
146	146	Trần Diệu Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
147	147	Bùi Thị Khánh Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.75	
148	148	Lã Khánh Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.25	
149	149	Phạm Khánh Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.75	
150	150	Nguyễn Mai Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.00	
151	151	Đào Thảo Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.75	
152	152	Nguyễn Thị Trang Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
153	153	Phạm Bảo Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	11.50	
154	154	Trần Bình Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.25	
155	155	Đỗ Cảnh Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.50	
156	156	Nguyễn Ngọc Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.00	
157	157	Ngô Nhật Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
158	158	Nguyễn Thế Nhật Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.50	
159	159	Vũ Nguyễn Nhật Minh	TH&THCS Thụy Trình	6	Toán	10.00	
160	160	Lê Quang Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	14.00	
161	161	Vũ Tiến Minh	THCS Thụy Liên	6	Toán	6.75	
162	162	Nguyễn Tiến Minh	TH&THCS Thụy Trình	6	Toán	2.75	
163	163	Nguyễn Hữu Trường Minh	TH&THCS Thụy Hải	6	Toán	18.75	
164	164	Đỗ Bảo Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.25	
165	165	Hoàng Bảo Nam	TH&THCS Thụy Lương	6	Toán	10.00	
166	166	Nguyễn Hoàng Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	8.50	
167	167	Nguyễn Thị Kim Ngân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.75	
168	168	Vũ Thị Kim Ngân	TH&THCS Thụy Bình	6	Toán	18.75	
169	169	Đào Trọng Nghĩa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.50	
170	170	Ngô Trọng Nghĩa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	8.50	
171	171	Phạm Thị Bảo Ngọc	THCS Diêm Điền	6	Toán	17.75	
172	172	Vũ Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.75	
173	173	Lê Minh Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
174	174	Tạ Thị Minh Ngọc	TH&THCS Thụy Hải	6	Toán	19.25	
175	175	Lê Nam Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
176	176	Lê Phương Nguyên	TH&THCS Thụy Hải	6	Toán	18.75	
177	177	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.50	
178	178	Nguyễn Quỳnh Như	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.50	
179	179	Phạm Xuân Phú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.00	
180	180	Ngô Duy Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.75	
181	181	Nguyễn Đức Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	13.50	
182	182	Nguyễn Trọng Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.50	
183	183	Trần Mai Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
184	184	Nguyễn Minh Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	9.75	
185	185	Lê Ngọc Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.25	
186	186	Ngô Duy Quang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	11.50	
187	187	Trần Duy Quang	TH&THCS Thụy Hải	6	Toán	18.75	
188	188	Lưu Quang Nhật Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.25	
189	189	Nguyễn Đình Trung Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.00	
190	190	Phạm Mai Quỳnh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.50	
191	191	Lê Hoàng Trường Sa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	20.00	
192	192	Nguyễn Minh Sang	TH&THCS Thụy Lương	6	Toán	14.75	
193	193	Đỗ Quang Thái Sơn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.25	
194	194	Nguyễn Giang Thanh	THCS Diêm Điền	6	Toán	14.75	
195	195	Giang Tiến Thành	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	13.50	
196	196	Nguyễn Vũ Thu Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
197	197	Nguyễn Trường Thành	THCS Diêm Điền	6	Toán	15.25	
198	198	Đỗ Công Thắng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	11.25	
199	199	Nguyễn Đức Thịnh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.25	
200	200	Nguyễn Minh Thông	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	14.00	
201	201	Tô Chính Thuận	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	5.00	
202	202	Nguyễn Ngọc Hà Thư	THCS Diêm Điền	6	Toán	11.50	
203	203	Đào Anh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.50	
204	204	Nguyễn Việt Tiến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.00	
205	205	Bùi Đoan Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.75	
206	206	Phạm Thị Bảo Trâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.00	
207	207	Nguyễn Việt Trường	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.00	
208	208	Bùi Minh Tú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	15.75	
209	209	Phạm Đoàn Anh Tú	THCS Diêm Điền	6	Toán	10.50	
210	210	Phạm An Vương Tường	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	16.75	
211	211	Đỗ Quang Vinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
212	212	Nguyễn Quang Vinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	12.50	
213	213	Phạm Thành Vinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	17.75	
214	214	Tô Thành Vinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	18.75	
215	215	Lê Thành Vinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	10.25	
216	216	Nguyễn Minh Vương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Toán	19.75	
217	217	Trịnh An An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	14.00	
218	218	Phạm Bùi Bảo An	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	15.00	
219	219	Tạ Hoài An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.50	
220	220	Phan Hà An	TH&THCS Thụy Hải	6	Tiếng Anh	18.25	
221	221	Vũ Đức Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.00	
222	222	Vũ Hoài Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.00	
223	223	Nguyễn Hồng Anh	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	18.50	
224	224	Nguyễn Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.50	
225	225	Lê Mai Anh	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	15.00	
226	226	Nguyễn Mai Anh	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	17.00	
227	227	Bùi Nguyên Anh	TH&THCS Thụy Hải	6	Tiếng Anh	18.50	
228	228	Vũ Hữu Nhật Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.50	
229	229	Tạ Lê Phương Anh	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	12.00	
230	230	Bùi Quỳnh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.50	
231	231	Trịnh Quang Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	15.00	
232	232	Nguyễn Gia Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.75	
233	233	Tạ Duy Gia Bảo	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	16.50	
234	234	Nguyễn Hữu Bảo	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	17.75	
235	235	Trần Thái Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	13.75	
236	236	Hoàng Khánh Bình	THCS Thụy Liên	6	Tiếng Anh	10.25	
237	237	Phạm Minh Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.50	
238	238	Trịnh Nguyễn Minh Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.25	
239	239	Tô Ngọc Hà Chi	TH&THCS Thụy Hải	6	Tiếng Anh	13.25	
240	240	Vũ Khánh Chi	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	13.00	
241	241	Nguyễn Thị Ngọc Chi	TH&THCS Thụy Hải	6	Tiếng Anh	15.00	
242	242	Hoàng Quỳnh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.75	
243	243	Lê Thảo Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	12.50	
244	244	Phan Thị Thảo Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.50	
245	245	Tạ Đồng Hải Đăng	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	12.25	
246	246	Bùi Thị Ngọc Diệp	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.00	
247	247	Nguyễn Minh Đức	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	16.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
248	248	Nguyễn Mạnh Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.75	
249	249	Bùi Tấn Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	12.75	
250	250	Nguyễn Viết Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh		Vắng
251	251	Bùi Thùy Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.00	
252	252	Lê Ngọc Duy	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	18.50	
253	253	Phạm Hải Đăng	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	16.50	
254	254	Nguyễn Linh Đan	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	15.00	
255	255	Đào Thành Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.00	
256	256	Nguyễn Tiến Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.25	
257	257	Lê Hương Giang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.00	
258	258	Đỗ Trần Hoàng Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.00	
259	259	Lê Khánh Hà	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	14.50	
260	260	Đào Đăng Hoà	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	17.00	
261	261	Phạm Ngọc Hoàng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.75	
262	262	Bùi Mạnh Hùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.00	
263	263	Lê Hữu Việt Hưng	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	17.75	
264	264	Nguyễn Thu Hương	TH&THCS Thụy Hà	6	Tiếng Anh	8.25	
265	265	Bùi Khánh Huyền	THCS Thụy Liên	6	Tiếng Anh	13.00	
266	266	Tô Thanh Huyền	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	19.00	
267	267	Lê Hữu Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	15.75	
268	268	Nguyễn Ngọc Bảo Khang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.25	
269	269	Vũ Minh Khang	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	13.25	
270	270	Nguyễn Nam Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.50	
271	271	Nguyễn Đăng Khoa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.50	
272	272	Nguyễn Duy Khoa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	13.75	
273	273	Nguyễn Trung Kiên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	20.00	
274	274	Đỗ Anh Kiệt	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	13.00	
275	275	Bùi Tuấn Kiệt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.75	
276	276	Bùi Gia Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	14.25	
277	277	Vũ Gia Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.00	
278	278	Trần Vũ Hoàng Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	12.75	
279	279	Dương Khánh Linh	THCS Thụy Liên	6	Tiếng Anh	13.25	
280	280	Phạm Khánh Linh	TH&THCS Thụy Bình	6	Tiếng Anh	13.00	
281	281	Bùi Mộc Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.25	
282	282	Bùi Phương Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.75	
283	283	Nguyễn Phương Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.25	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
284	284	Nguyễn Phương Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.00	
285	285	Phạm Phúc Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.25	
286	286	Bùi Thành Lộc	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	14.25	
287	287	Đỗ Chi Mai	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.00	
288	288	Nguyễn Thị Ngọc Minh	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	18.00	
289	289	Nguyễn Tuấn Minh	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	16.25	
290	290	Đặng Thảo My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	12.75	
291	291	Tạ Nguyễn Bảo Nam	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	12.75	
292	292	Trần Đức Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.75	
293	293	Trần Đức Hải Nam	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	12.00	
294	294	Bùi Nguyễn Bảo Ngân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	15.50	
295	295	Trần Trọng Nghĩa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.75	
296	296	Lê Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.25	
297	297	Nguyễn Hồng Ngọc	THCS Thụy Liên	6	Tiếng Anh	11.50	
298	298	Nguyễn Hồng Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	12.75	
299	299	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	19.25	
300	300	Lê Nguyễn Bình Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.50	
301	301	Vũ Hoàng Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	15.75	
302	302	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.00	
303	303	Vũ Thảo Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.75	
304	304	Nguyễn Thị Tú Nhi	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	18.75	
305	305	Bùi Ngọc Yến Nhi	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	12.75	
306	306	Tạ Trang Nhung	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	15.00	
307	307	Nguyễn Tiến Hải Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	15.75	
308	308	Trịnh Hiếu Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	14.75	
309	309	Đặng Duy Phúc	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	14.25	
310	310	Đỗ Xuân Phúc	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	15.75	
311	311	Vũ Thành Phước	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	14.75	
312	312	Tạ Lê Hà Phương	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	15.00	
313	313	Nguyễn Thị Hải Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.50	
314	314	Lê Minh Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.00	
315	315	Vũ Minh Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.50	
316	316	Lê Minh Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.25	
317	317	Lê Minh Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.00	
318	318	Trịnh Thị Bảo Quyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	18.25	
319	319	Uông Sỹ Thái Sang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
320	320	Đào Ngọc Thạch	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	13.75	
321	321	Vũ Đức Thành	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	15.75	
322	322	Nguyễn Minh Thành	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	7.00	
323	323	Lê Nguyên Thảo	TH&THCS Thụy Hải	6	Tiếng Anh	18.50	
324	324	Lê Thị Phương Thảo	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	16.00	
325	325	Nguyễn Phương Thảo	TH&THCS Thụy Bình	6	Tiếng Anh	17.25	
326	326	Lê Vi Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	12.25	
327	327	Bùi Thanh Thu	TH&THCS Thụy Hải	6	Tiếng Anh	11.75	
328	328	Tạ Thanh Thu	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	16.50	
329	329	Đào Anh Thư	THCS Diêm Điền	6	Tiếng Anh	17.75	
330	330	Nhâm Khánh Toàn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.25	
331	331	Phạm Bảo Trâm	TH&THCS Thụy Hải	6	Tiếng Anh	16.50	
332	332	Vũ Đức Tú	TH&THCS Thụy Trình	6	Tiếng Anh	16.00	
333	333	Đỗ Nam Tú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	16.50	
334	334	Lê Thị Phương Uyên	TH&THCS Thụy Lương	6	Tiếng Anh	18.25	
335	335	Lê Bá Uy Vũ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	17.75	
336	336	Hoàng Lê Khánh Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	14.00	
337	337	Đặng Thảo Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	19.25	
338	338	Nguyễn Bảo Yến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	6	Tiếng Anh	12.50	